

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Số: /KH-THPT.ĐST

KẾ HOẠCH
Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý
Năm học 2024-2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ:

- Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 13/2022/TT- BGDDT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông kèm theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 12 năm 2011;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 25/3/2020 Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;
- Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học;
- Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 4977/SGDDT-GDTrH ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2024 – 2025;
- Nghị quyết Đại hội lần thứ II, nhiệm kỳ 2020-2025 của Chi Bộ Trường THPT Đào Sơn Tây;
- Chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2020-2025; kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025;

Căn cứ vào thực trạng đội ngũ giáo viên, nhân viên, CBQL; tình hình thực tế của Trường THPT Đào Sơn Tây năm học 2024-2025.

TT	Đối tượng đánh giá	Số lượng	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ đào tạo			Ghi chú	
			Nam	Nữ	Dưới 25	Từ 25 - 35	Từ 35 - 45	Từ 45 - 50	Trên 50	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học		
Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1				1				1		
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1			1		1		2	0		
Giáo viên														
3	Giáo viên Ngữ văn	12		12			11	1			8	4		
4	Giáo viên Toán	13	5	8			11	2			9	4		
5	GV Tiếng Anh	9	1	8		3	5		1		11	2		
6	GV Giáo dục thể chất	6	5	1		3	3				8	1		
7	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	0	3		3					3	0		
8	Giáo viên Lịch sử	Nhóm môn khoa học xã hội	4	1	3		2	1	1			3	1	
9	Giáo viên Địa lí		4	1	3		2	1	1			3	1	
10	Giáo viên Kinh tế và Pháp luật		4	2	2		2	2				4	0	
11	Giáo viên Vật lí	Nhóm môn khoa học tự nhiên	7	3	4		4	3				5	2	
12	Giáo viên Hoá học		8	2	6		3	2	3			8	4	
13	Giáo viên Sinh học		6	0	6		3	3				5	1	
14	Giáo viên Âm nhạc	Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật	0											
15	Giáo viên Mỹ thuật		0											
16	GV Công nghệ		4	2	2		1	3				4		
17	GV Tin học		5	2	3		2	3				5		
18	Giáo viên Tiếng Dân tộc thiểu số	0												
19	GV Tiếng Nhật	1					1					1		
Nhân viên														

TT	Đối tượng đánh giá	Số lượng	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ đào tạo			Ghi chú
			Nam	Nữ	Dưới 25	Từ 25 - 35	Từ 35 - 45	Từ 45 - 50	Trên 50	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	
20	Nhân viên thư viện, thiết bị	1		1		1					1		
21	Nhân viên CNTT	1	1				1				1		
22	Nhân viên văn thư	1		1		1				1			
23	Nhân viên kế toán	1		1			1				1		
24	Nhân viên y tế	1		1		1					1		
25	Nhân viên Thủ quỹ	1		1		1					1		
26	Nhân viên giáo vụ	1				1					1		

Cơ cấu số lượng đội ngũ so với nhu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018

Số lượng Đội ngũ		Hiện có	Yêu cầu của CTGDPT 2018		
			Thừa	Thiếu	Cần bổ sung
Cán bộ quản lý		04	0	0	0
Giáo viên		84	0	03	03
Ngữ Văn		12	0	0	0
Toán		13	0	0	0
Ngoại Ngữ 1		9	0	01	02
Giáo dục thể chất		6	0	0	0
QPAN		3	0	0	0
Nhóm KHXH	Lịch Sử	4	0	0	0
	Địa lý	4	0	0	0
	GD KT và PL	4	0	0	0
Nhóm KHTN	Vật lý	7	0	0	0
	Hóa học	8	0	0	0
	Sinh học	6	0	0	0
Nhóm Công nghệ - Nghệ thuật	Âm nhạc	0	0	01	01
	Mỹ thuật	0	0	01	01
	Công nghệ	4	0	0	0
	Tin học	5	0	0	01
Nhóm tự chọn	Ngoại Ngữ 2	1	0	0	01
	Tiếng dân tộc	0	0	0	0
Nhân viên		13	0	01	01
Thư viện		0	0	01	01
Tổng		101	0	04	04

Nhận xét Về định mức số lượng người làm việc theo yêu cầu của CT GDPTCT GDPT 2018: thiếu 03 giáo viên (01 môn Âm nhạc và 01 môn Mỹ thuật, ngoại ngữ);

- Nhân viên: thiếu 01 - nhân viên Thư viện

2. Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

2.1 Thực trạng đội ngũ giáo viên

Điểm mạnh.

- Cơ bản đảm bảo về số lượng và cơ cấu, đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018.
- 100% GV đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó có 24 CB-GV đạt trên

chuẩn, chiếm 27.6%.

- 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp từ Khá trở lên; đội ngũ nhiệt tình, trách nhiệm, có nhiều kinh nghiệm trong dạy học.
- Độ tuổi từ 30-45 chiếm đa số, đảm bảo ổn định nhân sự lâu dài.

Điểm tồn tại, hạn chế.

- Về cơ cấu đội ngũ có môn còn thiếu (thiếu Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Ngoại ngữ, Hoạt động trải nghiệm)
- Số lượng GV cần được đào tạo bồi dưỡng bổ sung nhằm đáp ứng CTGDPT 2018 (Giáo dục kinh tế và pháp luật; Hoạt động Hướng nghiệp, Hoạt động trải nghiệm)
- GV ứng dụng CNTT trong dạy học còn hạn chế.
- Còn có GV gặp khó khăn khi tiếp cận CTGDPT 2018 (Phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực).

2.2. Thực trạng cán bộ quản lý

Điểm mạnh.

- Đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.
- Phối hợp trong công việc, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điểm tồn tại, hạn chế.

- Còn thiếu 01 CBQL.
- Việc sử dụng Ngoại ngữ, huy động nguồn lực XHH giáo dục còn hạn chế.

2.3. Thực trạng đội ngũ nhân viên

Điểm mạnh.

- Đạt chuẩn về trình độ.
- Nhiệt tình, trách nhiệm, có năng lực chuyên môn thực hiện yêu cầu chương trình GDPT 2018.

Điểm tồn tại, hạn chế: Chưa có nhân viên Thư viện.

3. Thời cơ và thách thức:

Thời cơ

Giáo dục luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chăm lo, đầu tư và phát triển.

Cơ chế chính sách giáo dục ngày càng giao quyền chủ động hơn cho các cấp cơ sở, nhà trường đã có thể chủ động hơn trong việc quy hoạch và sắp xếp đội ngũ.

Cán bộ, giáo viên và học sinh có điều kiện tiếp cận và được thụ hưởng với các phương tiện, phương pháp dạy và học hiện đại, tiên tiến tiên dụng, hiệu quả.

Thách thức:

Năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông với yêu cầu chuyển từ trang bị nội dung kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua dạy học tích hợp và lồng ghép, dạy học phân hoá, trải nghiệm, ...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy chưa triệt để; việc nâng cao trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa

đáp ứng được yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, trong khi nguồn lực quốc gia và khả năng đầu tư cho giáo dục của Nhà nước và phần đông gia đình còn hạn chế.

Nhận thức về đổi mới chương trình giáo dục chưa thực sự thống nhất, đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân.

4. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2020-2025.

- Bổ sung số lượng giáo viên còn thiếu (Âm nhạc, Mỹ thuật), cho giáo viên đi bồi dưỡng để dạy Hoạt động trải nghiệm.
- Xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực
- Tham gia Bồi dưỡng thường xuyên CBQL, GV theo quy định.

a. Về giáo viên

- Về số lượng tham mưu đề xuất các cấp có thẩm quyền tuyển dụng bổ sung GV còn thiếu (Môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin, Ngoại ngữ)
- Về chất lượng: Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ
- Về cơ cấu: Phân công giáo viên hợp lý, sử dụng nguồn GV có hiệu quả.

b. Cán bộ quản lý

- Về số lượng: đủ.
- Về chất lượng: Tăng cường bồi dưỡng về Ngoại ngữ; Nâng cao năng lực quản lý, quản trị nhà trường (tăng cường huy động các nguồn lực đặc biệt là XHH)
- Về cơ cấu: Phân công nhiệm vụ hợp lý, cụ thể để nâng cao hiệu quả CBQL

c. Nhân viên

- Về số lượng: tham mưu đề xuất các cấp có thẩm quyền tuyển dụng bổ sung nhân viên còn thiếu (nhân viên CNTT)
- Về chất lượng: Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- Về cơ cấu: Phân công nhiệm vụ hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng lao động

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CBQL, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL cần bổ sung theo lộ trình thực hiện CT GDPT 2018 cấp THPT

MỤC TIÊU VỀ CƠ CẤU ĐỘI NGŨ THEO LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CT GDPT 2018

Năm học Đội ngũ	Số lượng hiện có	Số lượng dự báo theo các năm					Ghi chú
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
Cán bộ quản lý	3	3	4	4	4	4	
Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	3	3	3	3	
Giáo viên							
Ngữ văn	12	12	12	11	11	11	
Toán	13	13	12	11	11	11	

Năm học Đội ngũ		Số lượng hiện có	Số lượng dự báo theo các năm					Ghi chú
			2020 -2021	2021 -2022	2022 -2023	2023-2024	2024-2025	
Ngoại ngữ 1		9	9	10	11	10	9	
Giáo dục thể chất		6	6	6	6	6	6	
GD QP-AN		3	3	3	3	3	3	
Nhóm môn KHXH	KT&PL	4	4	4	3	3	4	
	Lịch sử	4	4	4	4	4	4	
	Địa lý	4	4	4	4	4	4	
Nhóm môn KHTN	Vật lý	7	7	7	7	7	7	
	Hóa học	7	8	8	8	8	7	
	Sinh học	6	6	6	6	6	6	
Công nghệ		4	4	4	4	4	4	
Tin học		5	5	6	6	6	6	
Âm nhạc		0	0	1	1	1	1	
Mỹ thuật		0	0	1	1	1	1	
Tiếng dân tộc thiểu số/ Ngoại ngữ 2		1	1	1	1	1	1	
Nhân viên								
Nhân viên thư viện; TBTN; CNTT		2	2	3	3	2	2	
Nhân viên văn thư; kế toán; y tế; thủ quỹ		4	4	4	4	4	4	
Nhân viên giáo vụ		1	0	0	0	0	1	
Nhân viên hỗ trợ GD người khuyết tật		0	0	0	0	0	0	

Năm học 2024-2025 đảm bảo số lượng giáo viên đạt tỷ lệ 1.85 GV/lớp để thực hiện việc dạy học 2 buổi/ ngày theo CTGD.

Năm học 2024-2025 đảm bảo đủ GV dạy các môn học, hoạt động GD theo CTGDPT 2018 đối với 3 khối lớp.

Năm học 2024-2025 đảm bảo cơ cấu độ tuổi theo tỉ lệ: dưới 25: (25-34): (35-44): trên 45 là 3:2:3:2

Đảm bảo đủ cơ cấu nhân viên theo qui định: nhân viên thư viện, phụ trách thiết bị, thí nghiệm; nhân viên công nghệ thông tin, y tế, văn thư; kế toán và thủ quỹ.

2. Mục tiêu chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2020-2025 đáp ứng CT GDPT 2018 cấp THPT

[illegible]

Đội ngũ		Số lượng hiện có	Giới tính		Số lượng giáo viên cần bổ sung (ghi rõ năm cần bổ sung)						Ghi chú	
					Độ tuổi				Trình độ đào tạo			
			Nam	Nữ	Dưới 25	25-dưới 35	35 45	Trên 45	Trung cấp, cao đẳng	Thạc sỹ		Tiến sỹ
Hiệu trưởng		1		1								
Phó hiệu trưởng		3	2	1		1				x		
Giáo viên												
Ngữ văn		12		12								
Toán		13	5	8								
Ngoại ngữ 1		9	1	8	2					x		
Giáo dục thể chất		6	5	1								
GD QPAN		3	0	3								
Nhóm môn KHXH	KT&PL	4	2	2								
	Lịch sử	4	1	3								
	Địa lý	4	1	3								
Nhóm môn KHTN	Vật lý	7	3	4								
	Hóa học	8	2	6								
	Sinh học	6	0	6								
Công nghệ		4	2	2								
Âm nhạc		0	0	0	1							
Tin học		5	2		1							
Mỹ thuật		0	0	0	1							
Tiếng dân tộc thiểu số/ Ngoại ngữ 2		1	0	1	1							
Nhân viên												
Nhân viên thư viện; thiết bị, thí nghiệm; công nghệ thông tin		2	1	1	1							
Nhân viên văn thư; kế toán; y tế; thủ quỹ		4	0	4								
Nhân viên giáo vụ		0	0	0								

Đối với giáo viên

- Theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên: đạt mức khá 65 (75%), mức tốt: 21 (25%).
- Trình độ đào tạo: 65(75%) GV đạt trình độ đại học, 24 (28%) đạt trình độ thạc sĩ theo các năm.
- Kết quả đánh giá viên chức hàng năm: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 18 (20%), hoàn thành tốt nhiệm vụ 84 (80%).
- Mục tiêu năng lực giáo viên đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018:
 - + 87/87 GV đáp ứng tốt CTGDPT 2018 đạt 100%
 - + 9/87 GV hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện triển khai CTGDPT 2018 đạt 10,3%
- 25/87 (28.7%) GV tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng nhằm triển

khai hiệu quả CTGDPT cấp trung học phổ thông.

- 100% GV hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo thông tư 17/2019/TT-BGDĐT (120 tiết). 100% hoàn thành các chương trình bồi dưỡng thường xuyên do nhà trường tổ chức.

- 1/87 (1,2%) GV được cử đi bồi dưỡng giáo viên cốt cán.

- 10/87 (11,5%) GV được cử đi học tập nâng cao trình độ.

- Xây dựng đội ngũ CB, NV, CBQL vững về tay nghề, phẩm chất đạo đức lối sống chuẩn mực, hết lòng tận tụy với công việc. Tuyển bổ sung đảm bảo đủ số lượng.

- Tạo được niềm tin, giúp phụ huynh an tâm khi gửi con tại trường.

- Tập huấn bồi dưỡng cho giáo viên về đổi mới phương pháp dạy bộ môn; Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ đáp ứng chương trình GDPT 2018.

Mục tiêu về chất lượng của đội ngũ nhân viên

- Số lượng, tỷ lệ nhân viên đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo: 6/13 (46,2%) đạt trình độ đại học.

- Kết quả đánh giá viên chức hàng năm: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 1/13 (7.6%), hoàn thành tốt nhiệm vụ 12 (92.3%), hoàn thành nhiệm vụ 0 (0%).

Mục tiêu về chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý

- Số lượng, tỷ lệ CBQL đạt mức tốt: 3/4 (75%), mức khá 1/4 (25%) (theo chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông) các năm.

- Số lượng, tỷ lệ CBQL đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo: 4/4 (100%) đại học, 1/4 (25%) CB đạt trình độ thạc sĩ, 0 (0%) CB đạt trình độ tiến sĩ theo các năm.

- Kết quả đánh giá viên chức hàng năm: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 1/4, (25%), hoàn thành tốt nhiệm vụ 3/4 (75%), hoàn thành nhiệm vụ 0 (0%).

- Mục tiêu năng lực CBQL đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018:

+ 4/4 CBQL đáp ứng tốt CTGDPT 2018 đạt 100 %.

+ 4/4 CBQL hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện triển khai CTGDPT 2018 .

- 100% CBQL hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo thông tư 18/2019/TT-BGDĐT (120 tiết).

- 100% CBQL hoàn thành các chương trình bồi dưỡng thường xuyên do nhà trường tổ chức.

- 4/4 (100%) CBQL hoàn thành các chương trình bồi dưỡng CBQLCSGD

- 3/4 (75%) CBQL được cử đi học tập nâng cao trình độ.

IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

1. Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp phổ thông

Thực hiện rà soát lại Đề án vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp phổ thông.

Nhà trường cho HS chọn môn học dưới sự hỗ trợ, tư vấn của CMHS và GVCN. Tuy nhiên, do tình hình đội ngũ cũng như CSVN, thiết bị hiện tại, nhà trường định hướng theo các lựa chọn sau:

Nội dung	Phương án	Môn học			
Môn học bắt buộc		Ngữ Văn	Toán	Ngoại ngữ 1 (Anh văn)	Giáo dục thể chất, QPAN
Môn học lựa chọn	Nhóm 1	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Giáo dục KTPL
	Nhóm 2	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học
	Nhóm 3	Vật lý	Hóa học	Giáo dục KTPL	Công nghệ
	Nhóm 4	Vật lý	Địa lý	Giáo dục KTPL	Công nghệ
	Nhóm 5	Vật lý	Hóa học	Địa lý	Tin học
	Nhóm 6	Vật lý	Hóa học	Địa lý	Công nghệ
	Nhóm 7	Vật lý	Sinh học	Giáo dục KTPL	Tin học
	Nhóm 8	Hóa học	Địa lý	Công nghệ	Tin học

- Tuyển bổ sung 03 giáo viên (01 môn Âm nhạc, 01 môn Mỹ thuật và 01 tiếng Anh); bổ sung 01 - nhân viên Thư viện

- Tổ chức cho các giáo viên bộ môn học tập bồi dưỡng về các chương trình ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống, tư vấn tâm lý hay hỗ trợ trẻ hoà nhập.

2. Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp phổ thông

Ngay từ đầu năm học, nhà trường ra Quyết định phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV đảm bảo đúng người, đúng việc, sử dụng hiệu quả đội ngũ, đảm bảo nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích.

Phân công giáo viên có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt thực hiện dạy lớp 10 trong năm học đầu tiên thực hiện CTGDPT 2018 (năm học 2024-2025).

Chủ động phân hoá nhóm giáo viên theo các phương án tổ chức lớp của nhà trường đảm bảo cơ cấu sẵn có.

Dự kiến phân công chuyên môn cho năm học 2022 – 2023, trong đó cụ thể hoá GV dạy các môn học, hoạt động GD theo CTGDPT 2018 đối với lớp 10 và CTGDPT 2006 đối với các lớp 11,12.

3. Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018

Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, để đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, cần thực hiện bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, tập trung 3 vấn đề cơ bản: Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn bao gồm cả năng lực nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng năng lực giảng dạy và bồi dưỡng các giá trị đạo đức nghề nghiệp.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện CSVC thực tế của trường. Trong đó, có những hình thức bồi dưỡng trực tiếp: tham dự các khoá học, tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo khoa học, chuyên đề. Hình thức bồi dưỡng gián tiếp thông qua: bồi dưỡng từ xa qua Internet, tài liệu hướng dẫn, thảo luận nhóm/tổ chuyên môn, dự giờ.

- Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực yếu hơn để giáo viên tự thực hiện

giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018.

- Mời giảng viên về bồi dưỡng cho giáo viên ngay tại nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả các giờ dạy cho học sinh. Tiếp tục chỉ đạo hướng dẫn công tác bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.
- Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.
- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018

Nhằm tạo môi trường để GV, NG, CBQL luôn học hỏi lẫn nhau, trau dồi chuyên môn và nâng cao ý thức.

- Nhà trường xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường cùng thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 10 năm học 2024-2025, lấy kinh nghiệm để triển khai các lớp tiếp theo thông qua các hoạt động như: tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục về đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực, về phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học...

- Kết hợp cộng đồng học tập giữa các trường trong cùng cụm chuyên môn để hỗ trợ nhau phát triển thông qua hình thức sinh hoạt chuyên môn theo cụm.

- Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, khuyến khích học trực tuyến, bồi dưỡng tại chỗ, phát huy năng lực tự nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy; đa dạng các hình thức tập huấn, quan tâm đến giao lưu học tập kinh nghiệm, tổ chức hội thảo chuyên đề, mời chuyên gia để truyền đạt ý tưởng, tạo động lực để giáo viên thổi hồn vào bài giảng một cách thiết thực và hiệu quả hơn.

6. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ

- Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ CBGV, NV thông qua hình thức dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất... từ đó xác định được nhân sự nào cần được đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng ở lĩnh vực nào để phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của nhà trường.

- Hàng tháng, nhà trường họp đánh giá xếp loại CB, GV, NV trên cơ sở đánh giá chất lượng hoàn thành công việc được giao và kịp thời xử lý vi phạm (nếu có).

V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Dựa trên cơ sở dự toán kinh phí được cấp và kinh phí bổ sung hằng năm nhà trường thực hiện các nội dung sau:

1. Sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
- Trang bị bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo.
- Thực hiện các chế độ chính sách liên quan (thực hiện chương trình sách giáo khoa mới; giáo viên tập huấn).

2. Huy động nguồn lực hợp pháp khác.

- Nguồn hợp pháp xã hội hóa từ cha mẹ học sinh.
- Xã hội hóa từ cựu học sinh thành đạt, các doanh nghiệp, các cá nhân tổ chức trên địa bàn Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức.

3. Tổ chức thực hiện phân công chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN TRƯỜNG THPT Đào Sơn Tây

Giáo viên	Môn	Dạy lớp
Hoàng Thị Hảo	HĐTN	10A1
Nguyễn Thanh Tùng	Toán	10A1, 10A10, 12C1, 12C15
Trần Tuấn Anh	Toán	11B3, 11B8, 11B13, 12C3
	GDĐP	12C12
Lê Thị Dung	HĐGD	11B10
	Toán	11B1, 11B10, 12C6, 12C10
Nguyễn Thị Hoàng Giang	Toán	10A5, 10A12, 11B5, 11B16
	GDĐP	11B5, 11B10
Hoàng Thị Hòa	HĐGD	12C13
	Toán	10A3, 10A7, 12C4, 12C13
Tống Duy Sơn	HĐGD	10A6
	Toán	10A4, 10A6, 12C5, 12C14
Nguyễn Thị Thu Thảo	Toán	10A2, 10A11, 11B7
	GDĐP	10A1, 10A2, 10A9, 11B7
Trần Thanh Thúy	HĐGD	12C8
	Toán	10A8, 12C8, 12C11
Nguyễn Thị Minh Thu	HĐGD	12C12
	Toán	11B9, 11B12, 12C2, 12C12
Lê Hoài Thương	Toán	10A9, 10A13, 11B4, 11B6
	GDĐP	11B4, 12C14
Nguyễn Ngọc Tráng	HĐGD	11B2
	Toán	11B2, 12C7, 12C9
Nguyễn Hoàng Ái Vy	Toán	10A14, 10A16, 11B14
	HĐTN	11B11, 11B14
Vô Thị Xuân	HĐGD	11B11
	Toán	10A15, 11B11, 11B15
Trần Ngọc Vỹ	GDĐP	10A11
	GDĐP	10A13, 12C6, 12C15
Lê Thị Việt Hà	Văn	10A1, 12C4, 12C11
	Văn	10A1, 10A13, 12C4, 12C11
Phan Thị Thanh Giang	Văn	11B2, 11B6, 11B9, 12C2, 12C12

Giáo viên	Môn	Dạy lớp
Lã Thị Quỳnh Lương	Văn	11B1, 11B4, 11B8, 12C3, 12C15
Đoàn Thị Ngọc Sáng	Văn	10A2, 10A14, 11B3, 11B10
Bùi Thị Thắm	Văn	10A3, 10A10, 10A12, 11B5, 11B16
Bùi Đỗ Kim Thuận	HĐGD	12C1
	Văn	10A4, 10A16, 12C1, 12C14
Dương Lệ Thủy	Văn	11B7, 11B12, 11B14, 12C7, 12C8
Nguyễn Thị Thủy	HĐGD	11B13
	Văn	11B13, 11B15, 12C6, 12C10
Nguyễn Thu Trang	Văn	10A5, 10A8, 10A11, 12C5, 12C13
Lưu Thị Xoan	Văn	10A6, 10A7, 10A9, 10A15, 12C9
Lý Thị Ngọc Lan	T Anh	10A2, 10A10, 10A12, 12C1, 12C5, 12C11
Phạm Thị Châm	HĐGD	10A8
	T Anh	10A3, 10A8, 10A15, 12C3, 12C8
Đinh Thị Lan.Đ	HĐGD	12C9
	T Anh	11B1, 11B5, 11B8, 12C4, 12C9
Đoàn Lê Thanh Phong	HĐGD	11B12
	T Anh	10A4, 10A9, 11B2, 11B9, 11B12
Khuu Tiểu Phụng	HĐGD	12C7
	T Anh	10A5, 10A11, 10A16, 12C7, 12C15
Nguyễn Thị Kim Phụng	HĐGD	12C14
	T Anh	10A7, 10A14, 12C10, 12C14
Võ Thị Thanh Thư	T Anh	10A6, 10A13, 11B4, 11B6, 11B10
	HĐTN	12C10
Nguyễn Nữ Hoàng Yến	HĐGD	11B7
	T Anh	11B3, 11B7, 11B13, 12C13
Võ Thị Bình Yên	HĐGD	11B16
	T Anh	11B11, 11B14, 11B16, 12C2, 12C6
Trần Thị Minh Đức	Vật lý	10A2, 10A10
Hoàng Thị Vinh	HĐGD	12C4
	Vật lý	11B4, 11B10, 12C4, 12C9
Võ Quang Duy	HĐGD	11B6
	Vật lý	11B3, 11B7, 11B11, 12C3
Đắc Hoàng Luật	HĐGD	10A5
	Vật lý	10A3, 10A4, 10A5, 12C5
Hoàng Thị Ngân	HĐGD	12C6
	Vật lý	10A6, 10A8, 10A12, 12C6
Lê Phú Quý	HĐGD	10A1
	Vật lý	10A1, 10A7, 10A9, 10A11, 12C1
Nguyễn Kim Thoa	HĐGD	12C11
	Vật lý	11B1, 11B9, 11B12, 12C7, 12C11
Lý Thị Thủy	HĐGD	12C10
	Vật lý	11B2, 11B5, 11B8, 12C2, 12C10
Phạm Văn Đồng	CNghe	10A6, 10A8, 10A9, 10A11, 11B7, 11B9, 11B11
Phạm Ngọc Tuấn	CNghe	10A15, 10A16, 11B8, 11B10, 11B12, 12C3
Phi Vân Tuấn Anh	HĐGD	11B14
	Hóa	10A3, 10A6, 10A13, 11B5, 11B14
	HĐTN	10A6, 10A13, 11B5
Nguyễn Thị Thái Hằng	HĐGD	12C5
	Hóa	11B6, 11B13, 12C2, 12C5, 12C8
	HĐTN	11B2, 12C13
Nguyễn Thị Thục Oanh	HĐGD	11B1
	Hóa	11B1, 11B3, 12C4, 12C6, 12C7

Giáo viên	Môn	Dạy lớp
	GDĐP	11B1, 12C7
Nguyễn T.Thanh Thắm	HĐGD	10A2
	Hóa	10A1, 10A2, 12C1, 12C3, 12C12
Đinh Thị Kiều Thanh	HĐGD	11B4
	Hóa	10A4, 10A14, 11B4, 11B16
	HĐTN	11B4, 11B6, 11B7, 11B16
Hà Văn Việt	HĐGD	11B15
	Hóa	10A5, 10A15, 10A16, 11B2, 11B15
	GDĐP	11B15
	HĐTN	11B13
Phạm Nguyễn Mỹ Nhật	HĐGD	10A14
	Sinh	10A14, 12C1, 12C14
	CNghe	11B15
Nguyễn Thanh Đạm	HĐGD	10A15
	Sinh	10A2, 10A7, 10A9, 10A15, 10A16, 12C15
	HĐTN	10A7, 10A15
Lê Thanh Nga	HĐGD	12C2
	Sinh	11B1, 11B7, 11B14, 12C2, 12C13
	HĐTN	12C15
Lê Đặng Thảo Nhi	Sinh	11B2, 11B15
Trương Thị Thanh Tâm	HĐGD	12C3
	Sinh	11B8, 11B9, 11B13, 11B16, 12C3
	HĐTN	11B8, 11B9, 11B10, 12C3
Châu Thị Thận	Sinh	10A8, 10A13
	HĐTN	10A2
Hoàng Thị Hương	HĐGD	11B3
	CNghe	11B3, 11B5, 11B4, 11B6, 12C6, 12C7, 12C8, 12C9, 12C13
Lê Văn Sáng	Địa lí	10A12, 10A15, 10A16, 11B11, 11B13, 11B14, 11B16, 12C8, 12C11
Nguyễn Thị Thủy	HĐGD	12C15
	Địa lí	10A11, 12C9, 12C10, 12C12, 12C13, 12C14, 12C15
Lê Hùng Tấn Lộc	HĐGD	10A16
	Địa lí	10A10, 10A13, 10A14, 11B10, 11B12, 11B15
Lê Thị Bé	Sử	11B6, 11B9, 11B10, 11B11, 11B12, 11B13, 11B15, 11B16, 12C4, 12C5, 12C6
Nguyễn Thị Hường	HĐGD	10A3
	Sử	10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 10A16, 12C7, 12C9, 12C11, 12C8
Hoàng Ngọc Lữ	Sử	10A1, 10A2, 10A10, 10A11, 10A12, 10A13, 10A14, 12C1, 12C2, 12C3, 12C10
Lê Thị Xuân	HĐGD	11B8
	Sử	11B1, 11B2, 11B3, 11B4, 11B5, 11B8, 11B14, 12C12, 12C13, 12C14, 12C15
Nguyễn Văn Ngải	KTPL	11B10, 11B11
Lại Hoàng Hiệp	Tin	10A1, 12C1, 12C5, 12C10, 12C11, 12C14
	MOS	10A3, 10A9, 10A11, 10A15, 10A16, 10A1, 10A4, 10A10
Nguyễn Văn Chiến	Tin	10A2, 10A7, 11B6, 10A13, 11B2, 11B7, 11B14
	GDĐP	11B2, 11B6, 11B14
Trần Thị Thùy Nga	Tin	10A5, 10A6, 10A8, 10A14, 11B9, 11B13, 11B8
	HĐTN	11B1, 11B12, 10A11
Trần Thị Mai Trang	HĐGD	11B5
	Tin	11B1, 11B5, 12C2, 12C4, 12C12, 12C15
	MOS	10A6, 10A7, 10A8, 10A14, 10A2, 10A5, 10A12, 10A13

Giáo viên	Môn	Dạy lớp
Phạm Thị My	HĐGD	10A4
	KTPL	10A4, 11B3, 11B12, 12C4, 12C6, 12C7, 12C9, 12C13
Thiều Thị Linh	HĐGD	10A9
	KTPL	10A3, 10A9, 11B4, 12C8, 12C11, 12C14, 12C15
	HĐTN	10A9, 12C8, 12C11
Đinh Hoàng Phương Thảo	HĐGD	10A10
	KTPL	10A10, 10A11, 10A12, 12C5, 12C10, 12C12
Nguyễn T.Mộng Xuyên	GDĐP	10A5, 10A14, 10A3, 10A4, 10A10, 11B3, 11B9, 11B11, 11B12, 11B13, 11B16
Nguyễn Huy Hoàng	Thể dục	11B2, 11B5, 11B14, 12C1, 12C10, 11B6, 11B7, 12C11
Lê Đình Bắc	Thể dục	10A2, 10A13, 10A15, 12C4, 10A3, 10A8, 10A9, 12C5, 12C13
Nguyễn Thị Ngọc Phú	HĐGD	10A12
	Thể dục	10A1, 10A5, 10A12, 11B1, 11B3, 11B12, 11B16
Dụng Hữu Thảo	Thể dục	10A10, 11B4, 10A4, 11B8
Nguyễn Xuân Thịnh	HĐGD	10A11
	Thể dục	10A6, 12C2, 12C3, 12C6, 10A7, 10A11, 10A14, 10A16
Nguyễn Thanh Vũ	Thể dục	11B10, 11B11, 12C8, 12C9, 11B9, 11B13, 11B15, 12C7, 12C14
	HĐTN	12C9
Nguyễn Hoàng Văn	Thể dục	12C12, 12C15
	HĐTN	12C12
Mai Thị Chiên	HĐGD	10A7
	QPAN	12C10, 12C15, 10A5, 10A8, 10A14, 12C2
Nguyễn Thị Kim Chi	HĐGD	11B9
	QPAN	11B2, 11B5, 11B6, 11B10, 11B11, 12C6, 12C9
Trần Thị Thảo	HĐGD	10A13
	QPAN	10A10, 10A15, 10A16, 11B3, 11B4, 11B15, 11B16, 10A7, 11B9

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH

1. Tổ chức thực hiện

- **Hiệu trưởng:** Xây dựng kế hoạch, phân công các tổ chuyên môn và giáo viên chịu trách nhiệm về các công việc, các mối liên và trao đổi thông tin. Đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

- **Phó Hiệu trưởng:** Phân công chuyên môn cho giáo viên đảm bảo theo đúng kế hoạch. Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, hỗ trợ giáo viên trong công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia đánh giá giáo viên và hỗ trợ các nội dung bồi dưỡng thường xuyên.

- **Tổ trưởng chuyên môn:** Xây dựng kế hoạch triển khai CTGDPT2018 của tổ chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường. Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cá nhân. Thường xuyên giám sát, hỗ trợ công việc của các thành viên trong tổ chuyên môn để kịp thời phát hiện những khó khăn về vướng mắc và đề xuất với nhà trường để kịp thời giúp đỡ. Tổng hợp báo cáo việc thực hiện với CBQL nhà trường.

- **Các lực lượng tham gia:** Chủ động xây dựng kế hoạch cá nhân, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn và có chất lượng các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên môn. Thực

hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Tích cực truyền thông tới cha mẹ học sinh về đổi mới CTGDPT 2018.

2. Giám sát, hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

a. Phân công nhiệm vụ giám sát:

- Ban giám hiệu: Giám sát chung việc thực hiện kế hoạch đã đề ra, từ đó có biện pháp hỗ trợ, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.
- Tổ chuyên môn: Giám sát việc thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn và giáo viên, từ đó đề xuất các biện pháp hỗ trợ, kiến nghị.
- Giáo viên, nhân viên: Thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn, nhà trường.

b. Nội dung giám sát:

- Số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL trong trường đáp ứng CTGDPT 2018
- Chất lượng của đội ngũ GV, NV, CBQL trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018: Kế hoạch tự bồi dưỡng, kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp, công tác bồi dưỡng thường xuyên (120 tiết), công tác bồi dưỡng theo các mô đun, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học...
- Các giải pháp và hoạt động phát triển đội ngũ trong nhà trường.

c. Tần suất và báo cáo giám sát, đánh giá

- + Định kì: 01 lần/ học kì
- + Đợt xuất: Không báo trước.

3. Tiêu chí đánh giá

Đánh giá theo các mức: Không đánh giá, cần hoàn thiện, đạt, khá, tốt.

- Bao gồm các tiêu chí: Phân tích bối cảnh phát hiện những vấn đề trọng tâm trong đội ngũ; xây dựng hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu chất lượng đội ngũ; xây dựng các giải pháp; cách thức xây dựng nguồn lực

- Đánh giá theo các tiêu chí của chuẩn hiệu trưởng và chuẩn giáo viên phổ thông.

4. Chế độ thông tin, báo cáo

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất về cơ quan quản lý cấp trên; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh bằng thư điện tử nhằm thu thập và quản lý thông tin kịp thời, thông suốt giữa các bộ phận trong nhà trường.

- Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ

- Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của nhà trường trên trang Web. Tiếp tục phát triển hệ thống cổng thông tin điện tử. Thường xuyên theo dõi và cập nhật danh sách giáo viên trên hệ thống dữ liệu ngành của Bộ GDĐT và của Sở GD&ĐT vào đầu năm học.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hảo